

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28/10/2021

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Thi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Ngọc Hồng

2. Bà Phạm Thu Hồng

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đình Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Ngày 28 tháng 10 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Kim C, sinh năm: 1992. Địa chỉ: ấp V, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

* Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm: 1988. Địa chỉ: ấp P, xã H, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Bà C có mặt, ông T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai và các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án, nguyên đơn bà Đặng Thị Kim C trình bày:

Bà và ông T tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/01/2019. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng của ông bà hạnh phúc. Đến tháng 4 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên bất hòa về vấn đề tiền bạc dẫn đến cuộc sống không còn hạnh phúc. Bà và ông T đã ly thân từ tháng 5 năm 2019 đến nay. Vào tháng 02 năm 2020, bà có nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre nhưng sau đó bà rút đơn khởi kiện. Sau khi rút đơn khởi kiện thì tình cảm giữa bà và ông T cũng không cải thiện được. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông T nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Quốc T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông T vẫn vắng mặt, vì vậy không có lời trình bày của ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn ông Nguyễn Quốc T hiện đang cư trú tại thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Nguyễn Quốc T đã được tòa án triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà C và ông T tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/01/2019 nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo nguyên đơn bà C trình bày, sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc. Đến tháng 4 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên bất hòa về vấn đề tiền bạc dẫn đến cuộc sống không còn hạnh phúc. Bà và ông T đã ly thân từ năm tháng 5 năm 2019 đến nay. Trong thời gian ly thân này, ông bà không có biện pháp nào để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Vào tháng 02 năm 2020, bà C có nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre nhưng sau đó bà rút đơn khởi kiện và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án, đây là cơ hội để ông bà có thời gian hàn gắn lại tình cảm, tuy nhiên, quan hệ vợ chồng giữa bà C và ông T cũng không cải thiện được.

Tòa án cũng đã tiến hành mở phiên hòa giải nhiều lần để tạo điều kiện cho ông bà đoàn tụ, tuy nhiên ông T vẫn cố tình không đến, điều này cho thấy ông T không có thiện chí muốn duy trì mối quan hệ vợ chồng, không quan tâm đến việc tòa án đang giải quyết yêu cầu ly hôn của ông bà. Hội đồng xét xử thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà C.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: bà C khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bà C phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, 56, 57 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Kim C, cụ thể tuyên: bà Đặng Thị Kim C ly hôn với ông Nguyễn Quốc T.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: bà C khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Bà Đặng Thị Kim C phải nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0005441 ngày 22 tháng 2 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- Chi cục THADS TP Bến Tre.
- UBND xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Thị Xuân Thi

